

Thứ hai, ngày 18 tháng 12 năm 2023

## Vietnam Daily Review

### VN-Index giảm phiên thứ 4 liên tiếp

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/12/2023		●	
Tuần 20/11-24/11/2023		●	
Tháng 12/2023		●	

#### Nhận định:

**Thị trường cơ sở:** VN-Index duy trì đà giảm trong ngày hôm nay. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,091.88 điểm, giảm hơn 10 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 16/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Bán lẻ giảm mạnh nhất, theo sau là ngành Công nghệ thông tin. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. VN-Index đã trải qua 4 phiên giảm điểm liên tiếp. Trong những phiên giao dịch tới, nếu lực cầu bắt đáy không xuất hiện, chỉ số có thể tiếp tục lụi xuống ngưỡng 1,080.

**Hợp đồng tương lai:** Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

**Chứng quyền:** Trong phiên giao dịch ngày 18/12/2023, các chứng quyền giảm theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

#### Điểm nhấn:

- VN-Index **-10.42** điểm, đóng cửa **1091.88** điểm. HNX-Index **-1.29** điểm, đóng cửa **225.73** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VJC (+0.27)**, **STG (+0.08)**, **HNG (+0.07)**, **PGV (+0.07)**, **TCH (+0.06)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.96)**, **CTG (-0.85)**, **BID (-0.7)**, **FPT (-0.68)**, **VPB (-0.58)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10468** tỷ đồng, giảm **-26.1%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **14692** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 13.38 điểm. Thị trường có **112** mã tăng, **68** mã tham chiếu, **415** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-772.79** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **FUEVFNVD (-209.38 tỷ)**, **VNM (-92.3 tỷ)**, **STB (-66.34 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **15.47** tỷ đồng.

#### Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-0.96%**. Các mã diễn biến tích cực: **NLG (+1.68%)**, **GMD (+0.74%)**, **DGC (+0.54%)**
- BSC50 **-0.89%**. Các mã diễn biến tích cực: **DRC (+2.73%)**, **CTD (+2.58%)**, **PET (+2.29%)**

#### Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Ô tô và phụ tùng	1.65%	Xây dựng và Vật liệu	-0.92%
Du lịch và Giải trí	0.80%	Thực phẩm và đồ	-1.01%
Viễn thông	0.00%	Ngân hàng	-1.23%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.11%	Bảo hiểm	-1.25%
Hàng & Dịch vụ Công	-0.22%	Hóa chất	-1.37%
Điện, nước & xăng dầu khí	-0.48%	Truyền thông	-1.39%
Bất động sản	-0.57%	Công nghệ Thông	-1.98%
Dịch vụ tài chính	-0.66%	Bán lẻ	-2.17%
Y tế	-0.76%	VN30	-1.16%
Tài nguyên Cơ bản	-0.77%	VNMID	-0.48%
Dầu khí	-0.87%	VNSML	-0.55%

#### BSC RESEARCH

##### Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

##### Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

**VN-INDEX** **1091.88**  
 Giá trị: 10468.31 tỷ **-10.42 (-0.95%)**  
 Khối ngoại (ròng): -772.79 tỷ

**HNX-INDEX** **225.73**  
 Giá trị: 1020.01 tỷ **-1.29 (-0.57%)**  
 Khối ngoại (ròng): 15.47 tỷ

**UPCOM-INDEX** **84.88**  
 Giá trị: 310.96 tỷ **-0.17 (-0.19%)**  
 Khối ngoại (ròng): 8.02 tỷ

#### Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	76.8	3.40%
Giá vàng	2,036	0.40%
Tỷ giá USD/VND	24,350	0.31%
Tỷ giá EUR/VND	26,571	0.47%
Tỷ giá JPY/VND	170.89	0.17%
LS liên NH 1 tháng	1.18%	
LS TPCP 5 năm	1.69%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

#### Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NLG	28.25	FUEVFNVD	-209.38
FTS	12.22	VNM	-92.30
HAG	9.91	STB	-66.34
VRE	9.14	VPB	-54.95
VJC	8.79	CTG	-50.06

Nguồn: BSC Research

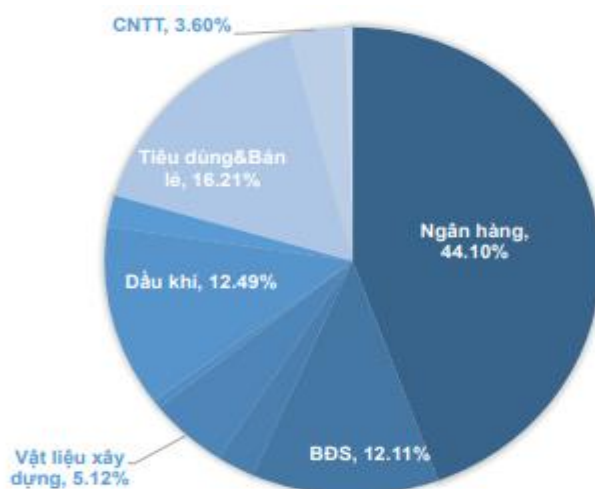
#### Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

## Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	81.5	-0.9%	0.6	18,788	6.1	5,797	14.1	105,000	23.5%	<a href="#">Link</a>
BID	Ngân hàng	41.0	-1.2%	1.0	9,640	1.1	4,025	10.2	54,578	17.1%	<a href="#">Link</a>
VPB	Ngân hàng	18.4	-1.6%	1.1	6,021	16.8	1,727	10.7	23,685	16.6%	<a href="#">Link</a>
TCB	Ngân hàng	30.0	-1.8%	1.2	4,366	2.9	5,059	5.9	-	22.5%	<a href="#">Link</a>
MBB	Ngân hàng	18.0	-0.3%	1.2	3,871	3.9	3,496	5.1	24,400	23.2%	<a href="#">Link</a>
STB	Ngân hàng	26.3	-3.0%	1.0	2,045	23.6	3,600	7.3	31,200	24.4%	<a href="#">Link</a>
GVR	BDS KCN	19.4	-2.3%	1.8	3,209	0.8	714	27.3	19,100	0.5%	<a href="#">Link</a>
KBC	BDS KCN	30.2	-1.8%	1.6	955	8.0	4,368	6.9	42,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
IDC	BDS KCN	50.0	-1.0%	1.4	681	4.5	3,969	12.6	45,900	11.1%	<a href="#">Link</a>
VGC	BDS KCN	51.7	-2.3%	1.8	956	2.2	2,651	19.5	-	4.8%	<a href="#">Link</a>
HPG	Vật liệu xây dựng	26.6	-0.7%	1.4	6,380	16.3	(328)	-81.1	23,300	26.4%	<a href="#">Link</a>
VHM	Bất động sản	39.9	0.0%	1.2	7,166	5.9	10,341	3.9	79,900	24.2%	<a href="#">Link</a>
VRE	BDS	22.6	0.2%	1.2	2,118	2.2	1,588	14.2	38,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
KDH	BDS	30.3	-0.2%	1.3	999	2.0	1,280	23.7	44,100	38.9%	<a href="#">Link</a>
NLG	BDS	36.3	1.7%	1.2	576	2.4	1,582	22.9	46,100	41.4%	<a href="#">Link</a>
DGC	Hóa chất	93.8	0.5%	1.4	1,469	6.3	10,728	8.7	85,000	13.5%	<a href="#">Link</a>
DPM	Phân bón	32.8	0.2%	1.0	529	1.1	6,403	5.1	41,000	15.4%	<a href="#">Link</a>
DCM	Phân bón	30.9	-1.9%	1.4	675	3.1	4,286	7.2	36,000	11.4%	<a href="#">Link</a>
GAS	Dầu khí	75.5	-0.7%	0.7	7,152	1.9	5,567	13.6	110,500	2.9%	<a href="#">Link</a>
PLX	Dầu khí	33.9	-1.2%	1.0	1,777	0.5	2,125	16.0	45,000	17.3%	<a href="#">Link</a>
PVS	Dầu khí	37.4	-0.3%	1.1	737	2.8	1,953	19.2	38,500	20.3%	<a href="#">Link</a>
PVD	Dầu khí	27.0	0.0%	1.1	619	1.8	449	60.1	29,000	21.3%	<a href="#">Link</a>
POW	Tiện ích	11.1	-0.9%	0.9	1,072	1.5	602	18.4	14,500	6.2%	<a href="#">Link</a>
VNM	F&B	67.0	-1.6%	0.7	5,776	9.7	3,935	17.0	81,700	54.4%	<a href="#">Link</a>
MSN	F&B	62.9	-0.2%	1.6	3,712	4.3	916	68.7	27,700	30.5%	<a href="#">Link</a>
MWG	Bán lẻ	39.6	-2.8%	1.5	2,389	14.2	1,069	37.0	63,800	49.0%	<a href="#">Link</a>
PNJ	Bán lẻ	79.5	0.4%	0.6	1,076	1.6	5,503	14.4	83,500	49.0%	<a href="#">Link</a>
VHC	Thủy sản	70.1	-3.8%	0.8	541	2.8	7,080	9.9	90,900	32.1%	<a href="#">Link</a>
GMD	Logistics	68.5	0.7%	0.9	864	1.6	7,470	9.2	57,000	47.0%	<a href="#">Link</a>
FPT	Công nghệ	94.0	-2.3%	0.8	4,924	8.8	4,573	20.6	108,000	49.0%	<a href="#">Link</a>

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



## Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	26.0	-2.40%	1.0	5,770	4.1	3,664	7.1	1.1	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.8	0.2%	0.9	3,653	6.0	3,722	6.1	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	18.4	-3.2%	0.7	2,195	5.5	2,765	6.7	1.4	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	15.4	-1.6%	0.9	1,630	1.3	1,410	11.0	1.6	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.6	-1.3%	1.2	1,941	2.9	3,534	5.2	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.6	-1.1%	1.9	1,082	10.9	467	46.2	1.7	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.9	-0.3%	1.1	1,535	2.1	2,697	6.3	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.7	-0.3%	1.6	1,960	14.8	1,090	29.1	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.3	-2.4%	1.8	214	3.7	318	51.3	6.6	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.6	-2.5%	1.9	0	0.4	445	26.0	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	63.6	2.6%	1.3	260	3.6	681	93.3	0.8	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.0	-0.3%	1.7	256	2.3	919	16.4	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	11.7	-2.5%	1.6	92	1.4	482	24.3	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	60.7	-2.1%	0.8	2,591	1.1	418	145.2	3.6	2.7%	1.7%
HUT	KCN	19.1	-2.1%	1.8	703	3.7	56	338.0	4.7	2.0%	1.3%
PHR	KCN	47.2	-0.2%	1.3	264	0.3	6,568	7.2	1.8	15.4%	26.9%
SZC	KCN	42.3	1.0%	1.8	209	1.7	1,405	30.1	3.1	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	20.8	-0.5%	1.9	527	5.1	(2,105)	-9.9	1.3	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.0	-0.8%	1.4	188	0.1	176	67.9	0.9	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	22.8	-2.2%	2.0	247	4.9	(2,655)	-8.6	1.2	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.7	-0.5%	0.5	159	0.2	5,309	10.9	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	25.0	-2.7%	1.7	79	1.0	1,482	16.9	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	16.4	-3.0%	1.7	1,319	6.4	(295)	-55.5	0.8	3.8%	1.9%
DXG	BDS	18.6	0.0%	2.2	548	6.1	(317)	-58.9	0.8	18.5%	3.4%
HDC	BDS	31.8	-0.3%	1.7	177	1.4	2,190	14.5	2.3	2.0%	16.9%
DIG	BDS	25.4	1.0%	2.1	640	10.2	152	167.2	2.0	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.6	-3.2%	1.6	141	1.0	1,597	8.5	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.2	-1.6%	1.4	0	2.4	1,596	11.4	1.1	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	25.2	-0.4%	0.7	336	1.4	2,993	8.4	1.0	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	30.7	-2.8%	1.3	102	0.2	1,353	22.7	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	24.4	2.7%	0.9	120	1.0	1,980	12.3	1.7	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	56.8	0.2%	0.7	958	1.2	6,445	8.8	1.2	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	22.0	-1.3%	2.1	771	11.5	384	57.1	1.0	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	23.8	-1.0%	0.7	283	0.2	2,560	9.3	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	27.8	-0.2%	1.4	351	0.8	2,739	10.1	1.3	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	27.4	0.2%	1.6	352	1.5	944	29.0	1.3	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.2	0.4%	0.6	185	0.1	636	20.7	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.7	-2.6%	2.2	191	1.7	(79)	-110.7	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	61.5	-2.1%	0.8	3,253	1.5	3,518	17.5	3.2	62.3%	18.7%
QNS	F&B	44.0	-0.5%	0.4	0	1.2	4,965	8.9	2.0	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	100.6	-0.2%	0.8	565	0.5	(327)	-307.4	8.6	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	49.5	-2.4%	1.6	341	1.2	2,984	16.6	3.7	23.6%	21.9%
DBC	F&B	25.2	-0.8%	1.9	252	4.7	551	45.7	1.3	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	26.8	2.3%	1.5	118	0.3	837	32.0	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	25.4	-0.2%	0.0	150	2.6	1,225	20.7	2.1	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	29.6	-2.3%	1.6	162	1.0	2,162	13.7	1.5	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	28.8	-1.0%	1.0	158	0.3	1,370	21.0	1.2	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	34.9	-2.0%	1.5	152	3.1	5,742	6.1	1.2	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	86.6	-1.1%	1.1	409	1.1	4,238	20.4	6.0	9.7%	32.1%
TNG	Dệt may	19.9	1.5%	1.3	93	1.5	2,353	8.5	1.5	21.5%	17.1%

## Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		<a href="#">Click</a>
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	<a href="#">Click</a>
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	<a href="#">Click</a>
4	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		<a href="#">Click</a>
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		<a href="#">Click</a>
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		<a href="#">Click</a>
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		<a href="#">Click</a>
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		<a href="#">Click</a>
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		<a href="#">Click</a>
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		<a href="#">Click</a>
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		<a href="#">Click</a>
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		<a href="#">Click</a>
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		<a href="#">Click</a>
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		<a href="#">Click</a>
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		<a href="#">Click</a>

## Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

### BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings  
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: +84 4 3935 2722  
Fax: +84 4 2220 0669

### BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!  
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

### Đối với Phân tích Nghiên cứu

#### Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn  
(+84) 39352722 - Ext 108

### Đối với Khách hàng tổ chức

#### Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn  
(+84)2439264659

### Đối với Khách hàng cá nhân

#### Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn  
(+84)2437173639